

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẠNG HIỂN TÔNG

QUYỂN 40

Phẩm 9: NÓI VỀ ĐỊNH (PHẦN 3)

Như thế đã nói về định là đối tượng nương dựa nơi. Kế sẽ nói về công đức được phát khởi do nương theo định. Trong các công đức, trước nói về vô lượng. Tụng rằng:

*Vô lượng có bốn thứ
Vì đối trị giận thảy,
Từ bi, không tánh giận
Hỷ, hỷ xả không tham
Hành tướng này thứ lớp
Ban vui và cứu khổ
Ưa an ỉ hữu tình
Duyên hữu tình cõi Dục
Hỷ, Sơ, Nhị tinh lự
Còn sáu hoặc năm mười
Không thể dứt các hoặc
Người khởi định thành ba.*

Luận chép:

Vô lượng có bốn:

1. Từ.
2. Bi.
3. Hỷ.
4. Xả.

Nói vô lượng: Nghĩa là vì vô lượng hữu tình làm đối tượng duyên, vì bốn pháp này có thể dẫn đến vô lượng phước, vô lượng quả ái, do bốn thứ này làm nhân.

Có thuyết nói: Do vô lượng này có thể trái diệt vô lượng hý luận, vì các hoặc như tham v.v... đều gọi là hý luận.

Vì sao vô lượng có bốn, không thêm bớt?

Vì bốn thứ ấy đối trị chướng ngại của nhiều hành, như khế kinh nói: Hoặc tập, hoặc tu, hoặc thường tạo tác. Từ có công năng dứt trừ giận, Bi có công năng dứt hại, Hỷ dứt không vui thích an ủi, Xả dứt trừ dục tham, sân nên chỉ có bốn. Giận: nghĩa là tâm sở muốn giết hữu tình. Muốn não hại hữu tình, tâm sở ấy gọi là hại. Mê đắm cảnh giới, đối với các phẩm thiện không ưa trụ nhân gọi là không ưa thích an ủi. Đối với các cảnh dục hấp dẫn, khởi tình nhiễm ưa thích, không biết chán đủ, gọi là dục tham. Từ, Bi trong đây không có giận làm tánh.

Nếu vậy thì hai thứ này đâu có gì khác nhau?

Tánh tuy không riêng, nhưng Từ có thể đối trị sự giết hại hữu tình và hành tướng chuyển biến theo giận, vui.

Bi, có công năng đối trị gây bức não hữu tình với hành tướng, chuyển biến theo giận, buồn, đó gọi là sai khác. Như khổ với vui, sự nhận lãnh dù đồng, nhưng tổn ích lại khác, nên thể có khác. Thể của khổ, vui khác nhau như trước đã nói, sự sai khác giữa hai thứ Từ, Bi cũng vậy.

Có thuyết nói: Bi là không hại, vì đối trị gần hại. Về lý, thật ra là như thế, chỉ có hại giống với giận, dùng tên giận để gọi hành tướng Bi, cũng giống với không có giận, đặt tên gọi vô sân, thật ra là không hại. Các sư xưa nói: Hỷ tức hỷ thọ, hành giả quán duyên gì? Lúc ấy hỷ thọ sinh. Nếu duyên ban cho vui, với Từ không có khác. Nếu duyên cứu khổ thì nên đồng với Bi.

Lại khế kinh nói: Vì ưa thích nên sinh hỷ, hỷ tức hỷ thọ, như trước đã nói, hành tướng của Hỷ này đồng với sự ưa thích kia.

Vì hỷ sinh hỷ, về nghĩa đâu có khác. Nếu nói nghĩa trên, dưới có khác, thì nghĩa khinh an và lạc lẽ ra cũng thế. Vì nhân duyên sai khác nên không thể được, lại trái với luận này.

Sao gọi là hỷ?

Nghĩa là hỷ, hỷ tương ứng với thọ, tưởng, hành thức, v.v... ý trong đây nêu rõ hỷ đều có pháp phẩm hỷ tăng thượng, nên đặt chung tên hỷ không phải thọ, thọ đều cũng có, lý ấy chắc chắn.

Nếu hỷ tức hỷ thọ, sao lại nói hỷ đều có với thọ? Nếu nói đối pháp dùng lý làm lượng nên như không quá văn tụng của ả luận này. Điều này cũng không đúng. Lý vì lượng mà luận, thì phải có kinh chứng mới có thể ấn định văn. Nếu lý trái với kinh, thì có thể hoại, không nên tùy ý sửa đổi văn luận.

Cho nên hỷ này khẳng định không phải hỷ thọ, vì dùng sự vui thích

làm thể, hoặc tức vô tham, nghĩa là có tham riêng là tâm sở ác. Đối với loài hữu tình, thì nghĩ rằng: Làm sao khiến cho tất cả các thú vui, hữu tình kia không thể có được, mà đều thuộc về ta. Vì hỷ có thể thể trị lòng tham kia, cho nên là vô tham, vì vô tham này và hỷ căn đều vận hành. Ba địa có thể được, như hối, ưu đều kết hợp, hỷ cũng vô tham.

Tương rõ ràng: Đối với sự thịnh vượng của người khác, tâm không tham đắm, biết người khác đạt được thì sinh vui thích an ủi. Tâm nhiệt tình đối trị gọi là hỷ, nên biết hỷ này cũng là tánh vô tham, Thể của Xả vô lượng chỉ là vô tham. Xả này và loại thứ ba có sai khác, nghĩa là đồng duyên với hữu tình là tướng yêu giận v.v..., như người mới vào rừng, thì sinh khởi cảm giác về cây cối. Nhân hành bình đẳng gọi là Xả. Nếu Xả vô lượng cũng có công năng đối trị giận, nên chỉ là vô tham so với Từ đâu có khác? Lại, thừa nhận Xả này, chính là đối trị dục tham. Xả này và quán bất tịnh có gì sai khác?

Về Xả và Từ có sai khác. Nghĩa là Từ có thể đối trị sân, dẫn dắt đến sân, dùng vô sân làm thể. Xả có thể đối trị tham, dẫn đến sân, lấy vô tham làm thể.

Lẽ nào không như Xả, dùng vô tham làm tánh, cũng đối trị tham, dẫn đến sân hay sao?

Như thế thừa nhận Từ lấy vô sân làm tánh, cũng nên có thể đối trị sân dẫn đến tham.

Vấn nạn này không đúng, vì trái với hành tướng, nghĩa là hành tướng của xả đều trái với tham, sân, vì xả tướng sai khác giữa người thân và người không phải thân, nên từ đây, yêu, giận đều bất sinh, tức do đó nên xả chỉ có vô tham, thật sự có thể đối trị tham cũng đối trị cả sân. Hành tướng của Từ trái với sân, chẳng phải tham, vì chuyển vận ban cho vui đối với các hữu tình. Do đó, Từ, Xả dù đều trái với sân, mà Từ thuận với tham, Xả trái với hại. Cho nên, hai thứ này rất có sai khác. Hoặc người Tu xả, trị giận phi xứ, Từ trị giận xứ, nên có sai khác.

Bất tịnh và xả, như thứ lớp, hay trị tham dâm và tham khác, nên có sai khác.

Bốn vô lượng này không tổn ích người khác, vì sao chỉ có thiện, chẳng phải tánh vô ký.

Vì có thể đối trị gần tham, sân, v.v... vì tướng ái, phi ái không thể dẫn, nên năng lực có thể khiến tâm chuyển vận tự tại.

Đã lược phân biệt thể tướng của Từ, v.v... ý lạc này có sai khác: Quán loài hữu tình như mình, gọi là Từ, ưa thích làm cho loài hữu tình lìa khổ, gọi là Bi. Đối với sự hưng thịnh của người khác ưa thích an ủi,

gọi là Hỷ. Đối với tướng thân, oán, không tư duy, gọi là Xả. Lại, không quán người khác có tổn, có ích, quán bình đẳng tất cả như bạn, gọi là Từ. Đối với kẻ gặp phải khổ nạn, xót thương, gọi là Bi. Do sức thắng giải, tướng loài hữu tình, được ích, lìa tổn hại, ưa an ủi, gọi là Hỷ. Quán bình đẳng đối với tướng hữu tình, gọi là Xả.

Bốn hành tướng này có sai khác, làm sao có thể khiến các loài hữu tình được niềm vui như thế?

Tư duy như thế, nhập Đăng chí Từ

Thế nào là sẽ khiến các loài hữu tình lìa khổ như thế?

Tư duy như thế nhập Đăng chí Bi

Các loài hữu tình được vui, lìa khổ, chẳng lẽ không vui thích hay sao?

Tư duy như thế nhập Đăng chí Hỷ.

Các loài hữu tình bình đẳng, bình đẳng, không có oán, thân.

Tư duy như thế, nhập Đăng chí Xả.

Sở nguyện như thế, rốt ráo không có thành. Lẽ nào không phải hoại công vô ích hay sao?

Do công sức tu định có thể chế phục giận, v.v... đâu cho là lướng uống, vô ích.

Lẽ ra là điên đảo, đâu thể chế phục hoặc?

Nguyện được vui bình đẳng, sao cho là điên đảo. Nghĩa là ở đây không nói là đã được niềm vui v.v... chỉ do thắng giải, nguyện các hữu tình sẽ được vui, v.v... chế phục được các hoặc nên tu bốn định này, công sức không uống.

Nói bốn hành tướng đối với uẩn định, làm sao khiến cho cùng đủ?

Như trước đã nói: Tư duy như thế, nhập Đăng chí: Lời nói này nếu căn cứ ở duyên đẳng vô gián thì Từ, v.v... nên không có lý Vô gián sinh, vì đã dẫn khởi tư duy khác nhau. Nếu đều sinh, thì nói nhập sẽ trái nhau, dẫn gia hạnh riêng trong vị nghiệp đầu, đến vị thành mãn, cũng có cùng sinh uẩn định căn cứ ở nói đầu nói không có lỗi.

Lại từ vô lượng, nguyện được vui nào?

Có thuyết nói: Nguyện được lạc của định thứ ba, vì lạc này vượt hơn hết trong các lạc thọ, nếu tự mình chưa chứng, nhờ nghe nên biết.

Có thuyết nói: Nguyện được diệu lạc của Niết-bàn, lạc này hơn hết trong các lạc.

Có thuyết nói: Nguyện được lạc của A-la-hán, vì lạc này đã giải thoát được các phiền não.

Người tu nghiệp đầu tiên, chưa chứng lạc này, vì chưa hiện chứng, nên không thể vận dụng tâm, chỉ duyên thân mình, thuận theo lạc đã chứng và chỗ chứng của người khác hiện có thể biết: Nguyên các hữu tình đồng chứng lạc này, nên chỉ duyên theo hiện như lý sinh ra lạc không nhiễm ô, nguyện cho người khác đồng cảm thọ này. Nếu Bí-sô và các chỗ thọ đã xả, nếu chưa đạt được đối trị chân thật, thì cũng vẫn ở chỗ vắng vẻ, thọ lạc xa lìa, với năng lực lẩn át hỷ lạc của Thiên Đế, v.v... như năm lạc, v.v... đã nói trong Già-tha. Lại người trụ nơi xa lìa siêng tu thiện, định có thiện được niệm niệm thường tuôn chảy, như biển lớn nước tràn ngập khắp, nối tiếp nhau, lạc của hỷ khinh an, đều từ định này dẫn sinh.

Do không có tâm keo kiệt duyên niềm vui như thế, nguyện cho các hàm thức, tất cả cùng thọ, đều duyên theo hữu tình cõi Dục làm cảnh, vì chủ thể trị duyên theo chướng ngại như giận kia, v.v... Nghĩa là cõi Dục có hữu tình của ba nhóm trong oán, thân, hay sinh giận, v.v... ở đó có xả tướng oán, thân, v.v..., ấy là công năng chế phục dứt trừ phiền não giận. Cho nên, cảnh này chỉ ở hữu tình cõi Dục, không thể duyên theo cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Thể của đại bi là căn thiện vô si, do năng lực của đại bi này có thể duyên cả ba cõi.

Nếu bốn vô lượng chỉ duyên theo hữu tình thì vì sao kinh nói: Tư duy một phương bình đẳng?

Vì đây là do thắng giải duyên chung tất cả hữu tình trong khí thế giới nên không có lỗi.

Bốn vô lượng này lệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc, do khế kinh nói: Vì vô lượng có công năng chiêu cảm quả cao quý của Phạm, Thích, Luân vương, nên Túc Luận Phẩm Loại căn cứ ở tu tạo thành để nói bảy trí nhận biết, tu dứt của cõi Sắc và tùy miên biến hành tùy tăng của cõi Sắc kia.

Có sư khác nói: Gia hạnh bốn vô lượng này có ở cả cõi Dục, vốn chỉ cõi Sắc. Bốn vô lượng này căn cứ ở địa riêng, nghĩa là nếu hỷ tức hỷ thì chỉ tu tạo thành. Nói kia lẽ ra phải nói hỷ chỉ ở hai định sơ và Nhị, vì ở địa khác không có hỷ căn. Nếu hỷ khác và hỷ chung tư tạo thành, nói kia nên nói chung bảy địa, vì cũng tương ứng với lạc, xả, thọ.

Có sư khác nói: Hỷ chỉ hỷ thọ đều có.

Nói kia nên nói: Hỷ chỉ có ở ba địa, hoặc nên như bài tụng nói chỉ có hai không phải địa khác. Ba thứ từ, bi, xả, căn cứ cả sáu địa. Nghĩa là bốn tĩnh lự, Vị chí, và Trung gian. Hoặc người có dục, khiến chỉ dựa

nơi năm địa, nghĩa là trừ Vị chí là đức thọ nhận vui, vì người đã lìa dục, mới có thể khởi.

Có thuyết nói: Bốn vô lượng này chỉ ở cõi Dục và sơ địa được gọi là vô lượng, địa khác thì không như vậy. Kinh nói: Vô lượng gọi là Phạm Trụ. Lại nói: Vì tu vô lượng nên sinh Phạm thế. Lại nói: Vì chiêu cảm quả Phạm, Thích, Luân vương.

Có thuyết nói: Tùy theo sự thích ứng, dựa chung mười địa, nghĩa là trong bốn phần gần căn bản của cõi Dục, nếu Bi cũng căn cứ ba tính lự dưới, thì làm sao được tương ứng với hỷ, lạc, Bi duyên khổ, vì chuyển biến theo hành tướng lo buồn của hữu tình, hành tướng này như tác ý nhằm chán vô lậu sinh, cho nên, căn cứ cả ba tính lự dưới, tác ý chân thật kia thuận với sinh ưa thích, tương ứng với hỷ lạc có thể không có lỗi.

Tác ý thắng giải này không thuận với sinh ưa thích, làm sao có thể nói giống với sự ưa thích kia?

Nghi là tánh chiêu cảm, không thuận với sinh ưa thích, làm sao thừa nhận nghi và hỷ, lạc cùng khởi? Tác ý thắng giải lẽ ra phải đồng với hỷ, lạc kia. Nhưng thắng giải này đối với sự ưa thích kia rất thuận theo nhau, vì năng lực dẫn sinh tác ý chân thật, còn nghi thì không như vậy, vì rất trái với chân.

Hỷ lạc kia còn tương ứng, huống chi tác ý thắng giải này sao không thừa nhận?

Tác ý thắng giải này, về lý, lẽ ra trái với ưa thích, vì có hành tướng riêng trong chỗ vui vẻ lo buồn. Bi đã chuyển biến hành tướng lo buồn, nên không tương ứng với hỷ, lạc. Chớ cho rằng vì hai hành tướng chuyển biến cùng lúc.

Nếu vậy, thì không thừa nhận tương ứng với xả, thọ, vì chuyển biến theo hành tướng trong xứ xả thọ. Đã chẳng phải không thừa nhận xả- thọ tương ứng với hỷ lạc, đều có lý chắc chắn nên thừa nhận. Chớ cho rằng vì hoàn toàn không tương ứng với thọ, nên dù nói bốn vô lượng này năng trị giận, v.v... mà không thể dứt các đặc phiền não. Vì tương ứng với tác ý thắng giải khởi, nên tác ý chân thật, mới có thể dứt hoặc. Lại tác ý này vì chỉ duyên theo cảnh hữu tình, nên duyên theo pháp tác ý mới có thể dứt hoặc. Lại, tác ý này chỉ duyên theo cảnh hiện tại. Duyên chung ba đời, hoặc duyên không phải đời mới dứt được hoặc. Lại, vì đạo Giải thoát mới có thể được, nên phải là đạo Vô gián mới có thể dứt hoặc.

Có người nói rằng: Vì thuộc về tính lự căn bản hữu lậu, nên nhân

này có lỗi. Không nên nói ba, vì dựa vào sáu địa, vì Vị chí, Trung gian, ở địa này lẽ ra không có.

Vì sao kinh nói: Sự dứt trừ giận này, v.v... cũng không trái nhau, vì dứt có hai. Hoặc do sức này dẫn đạo dứt, nghĩa là chế phục giận, v.v... dẫn đạo dứt sinh, cho nên, trong kinh nói dứt giận, v.v...

Nếu vậy thì vì sao trong Khế kinh nói: Do khéo tu Từ, nên trụ quả Bất hoàn.

Thánh đạo trong đây, dùng Từ để nói, như ở chỗ khác nói tưởng, danh, v.v... Hoặc dựa vào bậc Thánh, trước được tâm Từ, sau thường tu hành, được lìa dục để nói. Hoặc nương dựa vì được từ do tu thành, tu hành tinh tiến, được lìa dục để nói.

Có thuyết nói: Bốn vô lượng này dựa vào thân cội Dục, cội Sắc, vì Vô sắc không duyên oán, thân, v.v... nên tu bốn vô lượng này, trước vì duyên chúng, nên về nghĩa như thật, chỉ dựa vào thân cội Dục. Trong cội Dục, chỉ có con người khởi được. Nếu nói là hỷ không phải hỷ thành một thì sẽ đủ bốn. Nếu hỷ tức hỷ thọ thành một, thì chắc chắn thành ba chỉ vì sinh định thứ ba, v.v..., không thành hỷ. Đầu tiên, khi muốn dẫn khởi bốn vô lượng, trước, đối với hữu tình, chia làm ba phẩm, gọi là thân hữu, cư xử vừa chừng (không thân, không oán) và oán thù. Ba loại này chia làm ba phẩm thượng, trung, hạ. Thân hữu phẩm thượng là nhờ thân hữu sinh pháp thân, ân nặng ấy xử rất khó để trụ tâm vô lượng. Thân hữu phẩm trung là bạn bè giao hảo tài pháp rất thân mến nhau. Thân hữu phẩm hạ là giao hảo tài vật cũng thân yêu nhau. Không thân không oán phẩm thượng là người từ xưa đến nay chưa hề nghe gặp. Không thân không oán phẩm trung là người tuy thấy nghe mà không giao thiệp. Không thân, không oán phẩm hạ là người tuy có giao thiệp mà bỏ điều ân oán. Oán thù phẩm thượng là người đã được danh dự, mạng sống mình đến người thân mình. Oán thù phẩm trung là người cướp đoạt các duyên của cải nuôi sống mạng mình. Oán thù phẩm hạ là người đoạt các duyên của cải nuôi sống mạng của bạn bè mình.

Đối với phẩm của các hữu tình phân biệt riêng rồi, đầu tiên người tu từ, trước đối với người thân hữu phẩm thượng phát khởi thanh tịnh, thắng giải cho vui. Nếu do rằng vô tử thường tập, đã thành ý lạc ác, làm cho tâm ngang bướng, ít bị sự bức não, ấy là ôm hận sâu, “duyên” hận này, trở lại thôi dứt thắng giải cho vui. Lại nữa, nên cố gắng tư duy ơn nặng đối với người mình thọ ân.

Lại sinh ý ưa thích cho vui, vì sức thường tập quen, nên ý hận mãi mãi, thắng giải cho vui nối tiếp nhau không xả, thắng giải này đã

thành.

Đối với người bạn thân phẩm trung, hạ cũng dần dần tu thắng giải như thế. Đối với ba phẩm thân, đã được tâm bình đẳng, kế là, tổng đối với oán thù, không thân không oán phẩm hạ, trung thượng, tu tập dần dần ý ưa thích cho vui, cho đến sau cùng đối với oán, thân phẩm thượng, được tâm bình đẳng, đều không có thêm bớt. Như thế, gọi là tu Từ, thành mãn. Tu Bi và Hỷ, so sánh với tu Từ này, nên nói: Nghĩa là quán ba khổ ép ngặt khắp hữu tình, không nên đối với đây, lại thêm khổ, chỉ nên như mình siêng năng thêm cứu giúp, tu tập dần dần tâm muốn cứu giúp, cho đến oán thân bình đẳng, không có thêm, bớt, như thế gọi là tu Bi hoàn thành, viên mãn.

Tưởng các hữu tình được vui, lìa khổ, sinh rất ưa thích, an ủi như mình không khác. Như thế, gọi là tu Hỷ thành mãn. Đầu tiên, người tu Xả, trước xả ở người không thân, không oán, không phải trước xả oán, thân, vì giận, yêu khó xả. Lại, đối với người không thân, không oán với sức xả tăng. Đối với loại này như trước nói tức trước xả phẩm thượng, kế bỏ phẩm trung, hạ và với oán thân, từ phẩm hạ đến phẩm trung, từ trung đến thượng.

Trước xả oán: Vì người thân, khó xả, như Khế kinh nói: Tham khó dứt không phải giận. Như thế, dần dần tu tập về xả, đến bạn thân phẩm thượng bình đẳng và không thân, không oán ở phẩm thượng, khắp ở hữu tình, xả tướng sai khác, như thế, gọi là tu xả thành mãn.

Nếu đối với hữu tình ưa cầu công đức, hữu tình đó đối với Từ v.v... có khả năng tu nhanh chóng thành, không phải đối với hữu tình ưa cầu lỗi, do người dứt có đức đáng ghi chép. Độc giác Lân dụ có mất, có nhận, vì quả tội, phước trước kia, hiện tại có thể thấy.

Đã nói vô lượng, kế sẽ nói về giải thoát. Tụng rằng:

*Giải thoát có tám thứ Ba
trước, tánh vô tham Hai
hai, một một, định Bốn
định Vô sắc thiện Diệt
thọ tướng giải thoát Vi
vi Vô gián sinh
Do địa mình tâm tịnh
Vô lậu phẩm hạ xuất
Ba cảnh dục thấy được
Đạo phẩm loại bốn cảnh
Từ khổ, tập diệt trên*

Hư không phi trạch diệt.

Luận chép: Giải thoát có tám:

Trong có tướng sắc, quán sắc ngoài giải thoát.

Trong không có tướng sắc, quán sắc ngoài giải thoát.

Tịnh giải thoát, thân tác chứng, trụ đầy đủ.

Bốn định Vô sắc là thứ lớp bốn giải thoát.

Định Diệt thọ tướng là giải thoát thứ tám. Ba loại trước trong tám lấy vô tham làm tánh vì đối trị gần tham. Nhưng trong kế kinh nói người quán tướng vì quán tướng tăng, như tức trụ niệm dứt bỏ tướng sắc.

Giải thoát thứ nhất và thứ hai trong ba, là tướng bất tịnh chuyển biến, tạo ra các hành tướng xanh, bầm tím. Tướng thanh tịnh chuyển biến của giải thoát thứ ba, tạo sự chuyển biến theo hành tướng, sáng, sạch. Ba và giúp đỡ đều là tánh của năm uẩn.

Giải thoát đầu và thứ hai mỗi giải thoát dựa chung tĩnh lực Sơ, Nhị có thể đối trị: hiển sắc tham trong Sơ tĩnh lực cõi Dục. Chúng gồm nhiếp chung phần gần, Trung gian, vì năm địa đều có thể khởi chung. Vì cõi Dục và Sơ định có hiển sắc tham, do thân hiện thức dẫn khởi. Vì giải thoát hiển sắc tham trong Sơ, Nhị định kia, mà lập ra giải thoát ở bất tịnh của Sơ, Nhị định. Vì không có nhãn thức trong định thứ hai, thứ ba nên cũng không có được dẫn duyên tham hiển sắc, nên trong định thứ ba, thứ tư đều tịnh giải thoát.

Giải thoát Sơ, Nhị giống với căn thiện, dù trong cõi Dục cũng chấp nhận được có, nhưng vì tham lẫn lộn của cõi Dục, nên không kiến đặt danh từ hai giải thoát. Trong định thứ ba, thứ tư dù cũng được có căn thiện, nhưng khoảng cách đối trị xa, thế lực yếu kém, lại vì lạc tịnh chế phục, nên không được tên.

Giải thoát thứ ba căn cứ ở tĩnh lực sau, vì lìa tám tai họa, nên tâm lóng sạch. Thứ tư và phần gần đặt tên tĩnh lực sau giống với căn thiện, địa dưới dù có, nhưng vì không phải tăng thượng, nên không gọi là giải thoát. Vì tham dục ở cõi Dục bị lẫn lộn, nên chế phục bất tịnh trong định Sơ, Nhị. Vì bị mê lạc trong định thứ ba. Lại đều bị tám tai nhiễu loạn. Kế là, bốn giải thoát như thứ lớp đó, dùng định bốn Vô sắc thiện làm tánh, không phải nhiễm vô ký, vì không phải giải thoát, nên cũng không phải thiện tán, vì tánh yếu kém. Thiện tán kia: như tâm lúc qua đời.

Có thuyết nói: Thời gian khác cũng có thiện tán, chỉ vì sinh đắc thiện, không có văn, tư, nên các địa phần gần, chín đạo Vô gián, tám đạo Giải thoát, cũng không phải giải thoát, vì không trái với địa dưới,

nên duyên xen lẫn của đạo phẩm hạ Lại, chưa hoàn toàn thoát khỏi nhiệm của địa dưới. Khế kinh nói: Tám đạo Giải thoát kia vượt qua địa dưới.

Có thuyết nói: Các đạo Giải thoát của phần gần, cũng gọi là giải thoát, vì trái với địa dưới. Tuy nhiên, ở chỗ khác chỉ nói căn bản, vì trong phần gần, không phải hoàn toàn giải thoát. Giải thoát thứ tám, tức định Diệt tận, vì chán trái thọ, tưởng mà khởi định Diệt tận này. Hoặc chán trái cả các hữu ở đối tượng duyên. Sau tâm vi vi, định này hiện tiền. Đối với tâm tưởng trước kia đã gọi nhỏ nhiệm, nhỏ nhiệm này lại nhỏ nhiệm, nên nói là vi vi.

Kế là, tâm như thế, nhập định Diệt tận. Nghĩa là tâm của địa Hữu Đảnh có ba phẩm, tức tưởng nhỏ nhiệm và tâm vi vi. Do phẩm loại thượng, trung, hạ, khác nhau, phải sau phẩm hạ, định Diệt mới hiện tiền, nên thứ lớp vi vi, nhập định Diệt tận, xuất Định diệt. Hoặc khởi tâm định tịnh của Hữu Đảnh, hoặc tức hay khởi tâm vô lậu của Vô sở hữu xứ.

Tâm nhập như thế, chỉ là đạo hữu lậu, xuất tâm hữu lậu, vô lậu, ba giải thoát trước trong tám giải thoát, chỉ dùng xứ sắc của cõi Dục làm cảnh. Có sai khác: Hai nhận lấy bất tịnh, một nhận lấy tướng tịnh, vì trái với tham dục, dù trái ngược mà thiện, hoặc ít gọi cảnh, không thuộc về điên đảo. Duyên ít, tư duy nhiều, gọi là thắng giải giả, vì dẫn Thánh đạo cũng gọi là chân thật. Kế là, bốn giải thoát từ khổ, tập, diệt đế trên vào loại trí đạo phẩm của tất cả địa. Phi trạch diệt kia và hư không làm cảnh đối tượng duyên vì giải thoát Vô sắc bỏ trái địa dưới, nên đều không duyên theo hành tướng khác nhau khổ, tập của địa dưới, nghĩa là bất tịnh của Sơ Nhị, thứ ba chỉ tịnh, đều có không phải mười sáu. Giải thoát của Vô sắc vì gồm nhiếp định căn bản, nên mười sáu hành tướng đã tạo tác, hoặc không phải niệm trụ.

Điều cũng có: Nghĩa là thân niệm trụ ba giải thoát đầu đều có. Bốn giải thoát kế là có cả bốn niệm trụ. Tương ứng với trí: Ba giải thoát đầu, thứ bảy chỉ có trí thế tục, thứ tư, năm, sáu tương ứng với tám trí.

Tương ứng căn: Nghĩa là ba giải thoát đầu tương ứng với hỷ, xả, Năm giải thoát kế chỉ tương ứng với xả. Sự sai khác của thế gian, đều có cả ba đời.

Duyên khác nhau của thế gian: Nghĩa là ba giải thoát đầu đã sinh, có thể sinh, đều duyên thế gian của mình, Bất sinh duyên ba. Kế là, bốn giải thoát duyên ba và không phải thế gian. Ba tánh riêng, đều chỉ cho tánh thiện.

Duyên tánh riêng: Ba giải thoát đầu duyên cả ba tánh, bốn giải thoát kế duyên thiện, vô ký.

Học, v.v... khác nhau: Ba thứ đầu, hai thứ sau chỉ là câu phi, ba giải thoát giữa đều có cả ba thứ.

Duyên học, v.v... nghĩa là ba giải thoát đầu chỉ duyên câu phi, bốn duyên ba loại câu phi,

Kiến dứt, v.v... Ba giải thoát đầu, hai giải thoát sau, chỉ do tu dứt. Ba hữu lậu giữa do tu dứt, pháp khác không phải.

Duyên kiến dứt, v.v... Ba giải thoát đầu, duyên tu dứt. Bốn giải thoát kế mỗi thứ đều duyên chung ba duyên.

Thân mình, v.v... Giải thoát đầu duyên thân mình, người. Hai giải thoát kế duyên với người, bốn giải thoát sau duyên ba loại.

Đắc sai khác: Nghĩa là thứ tám, thứ ba, chỉ chưa từng đắc, sáu giải thoát còn lại có cả hai. Có cả hai: Nghĩa là pháp nội của Thánh, pháp ngoại của phàm phu, phàm phu chỉ là từng đắc, vì nhiều nhân duyên, nên được gọi giải thoát, nghĩa là đã giải thoát, vì sinh ở phương này. Hoặc vì sức này dắt dẫn giải thoát, hoặc vì các thứ tánh giải thoát, hoặc vì đều có thắng giải và giải thoát. Các giải thoát này dựa vào thân nam, nữ. Bậc Thánh phàm phu đều có thể tu khởi chỉ có định Diệt tận, nhưng nương tựa thân bậc Thánh, Hữu học, Vô học chung trong thân Thánh.

Hữu tình nào khởi tám giải thoát này?

Nếu đối với đối tượng duyên, thường cầu đối trị hành tướng tham ái, thích tu nhiều đạo, hữu tình như thế, có khả năng khởi giải thoát.

Hành giả vì sao tu giải thoát?

Vì khiến chuyển biến phiền não, lại vì xa, vì đối với Đẳng chí được tự tại. Đã được tự tại, bèn có thể dẫn phát đức vô tránh thân thông Thánh. Do đó, có thể chuyển biến các cảnh, khởi các sự nghiệp để lại xa, v.v...

Đã nói giải thoát, kế đây sẽ nói về thắng xứ. Tụng rằng:

*Thắng xứ có tám loại
Hai, như giải thoát đầu
Kế ba, như thứ hai
Bốn sau, như thứ ba.*

Luận chép: Thắng xứ có tám: Trong có tướng sắc quán sắc ngoài ít, hoặc đẹp, hoặc xấu đối với các sắc này. Biết vượt hơn, có tướng như thế, đó gọi là thắng xứ đầu tiên. Trong có tướng sắc, quán sắc ngoài nhiều, nói rộng cho đến đó gọi là thứ hai. Trong không tướng sắc quán sắc ngoài ít, nói rộng cho đến đó gọi là thứ ba. Trong không có tướng

sắc, quán sắc ngoài nhiều, nói rộng cho đến đó gọi là thứ tư. Trong không có tướng sắc, quán sắc ngoài xanh: xanh rõ, xanh hiện, xanh ánh sáng, ví như hoa Ô-mạc-ca, hoặc như áo Bà-la-nê-tư nhuộm màu xanh đậm, với các sắc này có thắng tri kiến, tướng như thế gọi là thứ năm. Trong không tướng sắc, quán sắc ngoài vàng, màu vàng rõ, vàng hiện, vàng ánh sáng. Ví như hoa Yết-ni-ca, hoặc như áo Bà-la-nê-tư nhuộm màu vàng thắm nói rộng cho đến đó gọi là thứ sáu. Trong không có tướng sắc, quán sắc đỏ bên ngoài: đỏ hiển, đỏ hiện, đỏ ánh sáng. Ví như hoa Bàn-đâu-thời-phước-ca, hoặc như áo Bà-la-nê-tư, nhuộm màu đỏ thắm, nói rộng cho đến đó gọi là thứ bảy. Trong không có tướng sắc, quán sắc trắng ở ngoài, hiển trắng, hiện trắng, ánh sáng trắng. Ví như Ô-sa-tư, hoặc như áo Bà-la-nê-tư, nhuộm màu trắng tươi, nói rộng cho đến, đó gọi là thứ tám. Vì chế phục được cảnh, nên gọi thắng xứ, nghĩa là dù tất cả cảnh sắc đối tượng duyên, đầy đủ hoa tươi đẹp, ánh sáng thanh tịnh, sức căn thiện đều có thể che át. Ví như tôi tớ nô lệ dù mặc y phục trang điểm châu báu đẹp lạ, nhưng vẫn bị che át do chủ của nó. Hoặc ở xứ này chuyển biến tự tại, không tùy theo khởi hoặc, nên gọi là thắng xứ, vì vượt hơn xứ, nên đặt danh từ thắng xứ. Hoặc căn thiện này gọi là xứ: Vì xứ hay vượt hơn, nên đặt tên thắng xứ.

Địa, v.v... tự tánh của bốn thắng xứ trước, như thứ lớp đồng với giải thoát Sơ, Nhị trước nghĩa là thắng xứ Sơ, Nhị là quả giải thoát đầu. Hai thắng xứ kế là quả giải thoát thứ hai làm tư lương, có thể nhập quả này. Địa, v.v... tự tánh của bốn thắng xứ sau, nên biết giải thoát thứ ba như trước, dùng tịnh giải thoát làm nhân bốn thắng xứ này. chúng làm tư lương có thể nhập quả này.

Ba giải thoát trước trong các sắc chỉ có thể nhận lấy cả tướng tịnh, bất tịnh. Nay, nhập thắng xứ trong các sắc, vì phân biệt nhiều ít tướng khác như xanh, v.v..., nên giải thoát trước chỉ đối với sắc, trái xả tham dục và tướng bất tịnh. Nay tám thắng xứ hay đối với cảnh ở đối tượng duyên, phân tích, chế phục, khiến cho tùy tâm chuyển biến.

Do đó, chứng biết giải thoát thứ ba, vì nhận lấy cả tướng tịnh, nên đặt một tên. Bốn thắng xứ sau trong tám thắng xứ vì nhận lấy sai khác, nên chia làm bốn thứ. Nếu tịnh giải thoát, cũng duyên sai khác, nhận lấy tánh tịnh, đồng lập làm một, bốn thắng xứ sau, lẽ ra cũng lập một, vì nhân duyên sai khác nên không thể được.

Đã nói thắng xứ, kế là nói về biến xứ.

Tụng rằng:

Biến xứ có mười thứ

*Tám như tịnh giải thoát
Hai Vô sắc tịnh sau
Duyên bốn uẩn tự địa.*

Luận chép: Biến xứ có mười: Nghĩa là quán khắp đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, và Không vô biên, Thức vô biên xứ. Ở chỗ này, kinh đều nói một tướng, trên, dưới và một bên không có hai vô lượng. Ở tất cả xứ không có gián cách, không có lỗ hổng, vì tư duy cùng khắp, nên gọi biến xứ. Vì khắp ở nơi xứ, nên đặt tên biến xứ. Hoặc căn thiện này, tức gọi là xứ, vì hành tướng khắp, nên đặt danh từ biến xứ. Địa, v.v... trong bài tụng này, biểu thị rõ đối tượng duyên.

Nói khắp, là nhằm biểu thị rõ hành tướng: hành tướng dù đồng, nhưng sở riêng khác nhau. Cho nên biến xứ được chia làm mười thứ. Kinh nói một, nghĩa là chỉ rõ Đẳng chí này tư duy cảnh tướng một loại hiện tiền. Nói tướng, là biểu thị rõ tác ý thắng giải ấy, nếu khác với đây, thì lẽ ra nói một biết.

Nói trên, dưới và bên, là chỉ rõ ý trôi lăn.

Nói không có hai, là nêu rõ không có kẽ hở. Nói vô lượng, là biểu thị vô biên thắng giải. Do đẳng trì vượt hơn, vì sức mài đá ngọc, khiến hành giả tu quán, tâm tự tại sinh, có thể quán sát khắp đối tượng duyên.

Vì sao chỉ mười thứ được gọi Biến xứ?

Trên đây lại vì không có hành tướng khắp, nên chỉ định thứ tư Không vô biên, Thức vô biên, có thể nói là có hành tướng vô bên. Tám biến xứ trước như tịnh giải thoát. Tự tánh đều là căn thiện vô tham. Nếu với giúp đỡ đều là tánh năm uẩn. Bốn thắng xứ sau, vì gia hạnh dẫn sinh, nên đồng với căn thiện vô tham kia, như tịnh giải thoát. Lại như tịnh giải thoát chỗ dựa tinh lực thứ tư và duyên xứ sắc cõi Dục làm cảnh.

Sao địa, v.v... cũng gọi là xứ sắc?

Vì giới của mỗi địa đều có sai khác, nên hiển, hình gọi là địa, v.v..., vì như trước đã nói, nói Biến xứ địa, v.v..., không nói giới địa, v.v..., nên tám thứ trước chỉ duyên xứ sắc?

Gió và giới gió đã không có sai khác, sao có thể nói cũng duyên xứ sắc?

Vấn nạn này phi lý, vì các thế gian cũng nói gió đen, gió cuộn tròn, v.v... Do đó tám biến xứ trước, lý sắc thành, hai biến xứ sau như thứ lớp: Hai Vô sắc tịnh là không, và thức, làm tự tính của chúng, đều duyên bốn uẩn của địa mình, làm cảnh

Công đức của ba môn giải thoát này, v.v... là do đâu mà được?
Nương vào thân nào khởi?

Tụng rằng:

*Định diệt như trước nói
Khác đều có hai đặc
Vô sắc dựa ba cõi
Khác chỉ cõi người khởi.*

Luận chép: Giải thoát thứ tám như trước đã nói, vì trước là định Diệt tận trước, các giải thoát khác, v.v... đều do hai đặc: Nghĩa là do ly nhiễm và gia hạnh đặc. Vì có từng tập, chưa từng tập. Tám biến xứ trước, lúc tu tập đầu tiên đều dùng nhãn thức làm gia hạnh, Không xứ, Biến xứ, tu đầu tiên cũng vậy, do đầu tiên sẽ duyên sắc của giới không. Do sức của thắng giải, sau khi thành mãn, duyên cả bốn uẩn của địa mình làm cảnh. Thức xứ, Biến xứ lúc tu tập đầu tiên chỉ dùng ý thức làm gia hạnh của mình, vì đầu tiên, sẽ duyên thức làm cảnh. Do sức thắng giải, sau khi thành mãn, cũng duyên bốn uẩn của địa mình làm cảnh. Giải thoát bốn Vô sắc, biến xứ của hai Vô sắc, mỗi chỉ chung thân ba cõi khởi, nhưng thân ba cõi kia đầu tiên khởi, thường dựa vào địa dưới, chỗ dựa ở địa dưới mình, đều chấp nhận khởi sau, chỉ Vô sở hữu cũng nương địa trên. Tất cả địa khác đều nương vào thân cõi Dục, chỉ ở ba châu trong cõi người trừ Bắc. Sức của tuệ khác yếu kém vì không có Thánh giáo, vì trị tham dục, nên hai cõi trên không có.

Có thuyết nói: Đầu tiên khởi, chỉ căn cứ ở cõi người, phải do sức giáo dẫn khởi, nên trong cõi người có giáo, trong cõi trời không có. Nếu có thì mê đắm niềm vui nên ở cõi người mới khởi lui sụt sinh trời Dục, do sức tập đời trước, có nghĩa khởi sau.

Lại nữa, do duyên gì tính lự thứ ba có cả vô lượng, v.v..., không có giải thoát, v.v...?

Không có duyên giải thoát, trước kia đã nói cụ thể. Vì giải thoát không có, nên thắng xứ tham đắm diệu lạc, vì đây là vui vượt hơn trong sinh tử, nên không thể phát khởi ba giải thoát, v.v..., vì ba giải thoát này đều trái với sinh tử, có cả vô lượng, v.v..., thuận theo lạc, nên dựa vào định này cũng có thể tu khởi.

Công đức của ba môn như giải thoát, v.v... này, nếu thuận theo được một là được tất cả phải không?

Việc này không đều như thế.

Nghĩa ấy thế nào?

Được sau, thì được trước, được trước không phải sẽ được sau.

Nghĩa là được biến xứ, tất nhiên đủ được ba. Người được thắng xứ, sẽ được giải thoát, biến xứ không chắc chắn. hoặc được, hoặc không được. Nếu được giải thoát, thì hai biến xứ còn lại không chắc chắn, vì nhập biến xứ, thắng xứ làm môn, giải thoát làm môn, nhập thắng xứ.

Sự sai khác của giải thoát, v.v... này thế nào?

Chỉ là trái xử, gọi là giải thoát, gồm cả phân tích đối tượng duyên gọi là thắng xứ, thêm vô bên thắng giải, được danh từ biến xứ. Vì tu dần dần ba căn thiện này.

Có sư khác nói: Ba căn thiện này do phẩm hạ, trung, thượng, nên có sai khác, nghĩa là năng dứt bỏ, cao quý chế phục các đối tượng duyên vì hành tướng vô bên, có hơn, kém.

Có sư khác nói: Giải thoát chỉ có nhân, biến xứ chỉ có quả, thắng xứ thì có cả hai.

Nay nên tư duy lựa chọn:

Nói trong hai cõi trên đã không có, duyên gì khởi định?

Tụng rằng:

*Hai cõi do nghiệp nhân
Năng khởi định Vô sắc
Cõi Sắc khởi tinh lự
Cũng do lực pháp nhĩ.*

Luận chép: Sinh hai cõi trên, gồm do ba duyên, hay tiến đến dẫn sinh định của sắc, Vô sắc:

1. Do sức nhân: Nghĩa là ở thời gian trước gần vì thường tu làm nhân khởi.

2. Do sức nghiệp: Nghĩa là trước kia đã từng tạo nghiệp, chiêu cảm sinh địa trên, thuận với nghiệp cảm thọ sau nơi dị thực của nghiệp kia, sắp khởi thế lực hiện tiền, có khả năng tiến tới khởi định, vì nếu chưa lìa phiền não của địa dưới, thì sẽ không chấp nhận sinh lên địa trên.

3. Do sức pháp nhĩ nghĩa là vào lúc khí thế giới sắp hư hoại, hữu tình của địa dưới, pháp nhĩ năng khởi tinh lự của địa trên, vì đối với pháp thiện sở hữu của vị này, do sức pháp nhĩ đều tăng thịnh.

Các hữu sinh ở hai cõi trên, khởi định Vô sắc, do sức nghiệp, nhân, không phải sức pháp nhĩ. Trời Vô vân, v.v... không bị hủy hoại do ba tai, nên khi sinh cõi Sắc, khởi tinh lự.

Do hai duyên trên và sức pháp như thế, nên nếu sinh cõi Dục, lúc khởi định trên, thì mỗi duyên nên biết đều do sức giáo. Do sức giáo, nghĩa là người ở ba châu, và trời cũng nghe giáo, vì nhỏ nhiệm, nên

không nói.

Từ trước đến nay, đã phân biệt các pháp môn cao quý, đều duy trì rộng rãi chánh pháp của Đức Thế tôn. Sao gọi là chánh pháp? Sẽ trụ trong thời gian bao lâu?

Tụng rằng:

*Chánh pháp Phật có hai
Tức giáo, chứng, làm thể.
Có giữ, nói và hành
Đây là trụ thế gian.*

Luận chép: Thế chánh pháp của Đức Thế tôn có hai thứ:

1. Giáo.
2. Chứng.

Giáo: là Khế kinh, pháp cao quý điều phục. Chứng là các đạo vô lậu của ba thừa. Nếu chứng chánh pháp trụ ở thế gian, thì giáo pháp, đối tượng được duy trì, tuyên dương rộng rãi này cũng an trụ, về lý, hẳn như vậy.

Hiện nhận thấy pháp chứng ở phương Đông, suy vi, giáo đa số ẩn mất. Pháp chứng của phương Bắc, cũng còn hưng thịnh. Chánh pháp của Đức Thế tôn truyền bá khắp hãy còn nhiều. Do đó cảnh vô thượng trí của Như lai, nhà nghĩ của các Thánh, thật nghĩa không có trái ngược của A-tỳ-đạt-ma. Những nước ở đây thịnh hành không phải phương Đông, v.v... có khả năng truyền tập hai chánh pháp này.

Y trì, trụ trì, nghĩa là sao?

Nghĩa là người nói, là sao? Nếu giáo, chánh pháp dựa vào người nói mà trụ, thì chứng chánh pháp trụ, chỉ dựa vào người hành. Nhưng không phải người hành, chỉ chứng pháp dựa giáo pháp, cũng nên dựa người hành. Nghĩa là có pháp tu hành không trái ngược, khiến cho chứng pháp trụ lâu ở thế gian. Khi chứng pháp trụ, giáo pháp cũng trụ, nên giáo pháp trụ, do người nói, thực hành, chỉ do hành giả khiến chứng pháp trụ, nên chánh pháp của Phật thuận theo người nói, thực hành, trụ gần ấy thời gian, là trụ ở đời. A-tỳ-đạt-ma, đối tượng nương tựa của luận này, luận này gồm nhiếp yếu nghĩa chân thật trong luận kia. Về nghĩa trong luận kia, giải thích có nhiều cách.

Nay trong luận này, căn cứ vào lý nào để giải thích, tụng rằng:

*Ca-thấp-di-la nghi lý thành
Tôi chỉ dựa kia, giải Đối pháp
Hoặc có sai trái là lỗi tôi
Định pháp, chánh lý ở Mâu-ni.*

Luận chếp: Nước Ca-thấp-di-la, sư Tỳ-bà-sa nghị luận, lý A-tỳ-đạt-ma khéo thành lập. Tôi chỉ căn cứ ở luận kia để giải thích tông chỉ của Đối pháp, nên đối với tụng tự thuật lại bổn ý. Nghĩa là dựa vào các vị con của bậc Thiện Thệ ở nước này, bàn luận về lý Đối pháp nơi Đại Tỳ-bà-sa, phát khởi chánh cần như lý quán sát. Vì khiến chánh pháp trụ lâu ở thế gian, vì tạo lợi ích cho hữu tình, nên soạn luận này, chỉ nói vì biểu thị rõ, lại không có đường lối nào khác, vì tất cả đều căn cứ Tỳ-bà-sa. Tuy nhiên, tánh của các pháp rất sâu mầu, rộng lớn, người nói đúng như thật rất khó gặp, tự mình chỉ theo tuệ giác rất suy kém, lại trở nãi tìm cầu khắp người nói đúng như thật, nên đối với lý mà luận rộng đã lập. Hoặc có sai trái là lỗi ở tôi. Chánh lý của các pháp rộng lớn, rất sâu xa, phải là xưa kia đã từng ở chỗ vô lượng Phật, gần gũi tu tập tư lương chân trí, mới đối với cảnh trí, tất cả không có mê lầm. Độc giác Lân dụ, còn không có khả năng phán quyết đối với pháp tướng, huống chi các Thanh văn, vì pháp Thanh văn đã chứng kia tùy theo giáo của người khác. Do đó, phán quyết chánh lý của các pháp, chỉ ở Đấng Đại Mâu-ni chân thật.

Cho nên, biết chắc chắn rằng A-tỳ-đạt-ma thật là do Phật nói, phải thuận theo tín thọ, tu hành không điên đảo, siêng năng mong cầu giải thoát:

*Chân diệu nghĩa đại giác thực hành Chỉ thuận chánh
lý của Đối pháp Các con của Thiện Thệ chứng biết
Chắc chắn không phải người mê chấp. Với người muốn
chứng nghĩa chân diệu Cần dựa chánh lý kinh liễu nghĩa
Không chỉ chấp giáo mà gắng nhịn Nên cũng nêu tâm ở
chánh lý.
Nên thuận lời Phật, luận Chánh lý Và thuận chánh
lý A-cấp-ma
Đủ khả năng chứng nương nghĩa mầu Đâu cần cố cầu
luận nạn tà.
Người trí chỉ nên nương giáo này Không tổn hại đọa
không do khác Phán quyết nghĩa pháp chân, bất chân
Chỉ đấng Đại giác làm định lượng.*

